

Số: 32 /2019/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 09 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về thi điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 và Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Thông tư số 19/2013/TT-NHNN)

1. Các khoản 2, 3 và 4 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Cơ cấu lại khoản nợ xấu là việc thực hiện điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia

hạn nợ; giảm một phần hoặc miễn toàn bộ số lãi đã quá hạn thanh toán, phí, tiền phạt vi phạm; điều chỉnh lãi suất của khoản nợ xấu.

3. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận) trong phạm vi thời hạn trả nợ đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, hợp đồng ủy thác cấp tín dụng, hợp đồng mua, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp, mà thời hạn trả nợ cuối cùng không thay đổi.

4. Gia hạn nợ là việc chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi vượt quá thời hạn trả nợ đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, hợp đồng ủy thác cấp tín dụng, hợp đồng mua, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp.”

2. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 như sau:

“Điều 4a. Quy định về quản lý ngoại hối trong hoạt động mua, bán nợ của Công ty Quản lý tài sản

1. Công ty Quản lý tài sản, tổ chức tín dụng bán nợ, bên mua nợ từ Công ty Quản lý tài sản, khách hàng vay và các bên liên quan khác có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam khi thực hiện mua, bán nợ và thu hồi khoản nợ được mua.

2. Khi thực hiện mua, bán nợ với Công ty Quản lý tài sản:

a) Bên mua nợ sử dụng tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện thanh toán cho Công ty Quản lý tài sản tiền mua nợ và các chi phí có liên quan theo hợp đồng mua bán nợ đối với trường hợp sử dụng đồng tiền mua nợ là đồng Việt Nam;

b) Bên mua nợ là người không cư trú sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam hoặc tài khoản ngoại tệ của bên mua nợ tại nước ngoài để thực hiện thanh toán cho Công ty Quản lý tài sản tiền mua nợ và các chi phí liên quan theo hợp đồng mua, bán nợ đối với trường hợp sử dụng đồng tiền mua nợ là ngoại tệ.

3. Khi thu hồi nợ từ các khoản nợ được mua từ Công ty Quản lý tài sản, số tiền thu hồi nợ phải được chuyển vào 01 (một) tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam hoặc 01 (một) tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (đối với trường hợp khoản nợ được thu hồi bằng ngoại tệ) của bên mua nợ mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Trường hợp mua, bán khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay ra nước ngoài hoặc nợ phát sinh do trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh cho bên được bảo lãnh là người không cư trú:

a) Bên bán nợ (tổ chức tín dụng bán nợ khi bán nợ cho Công ty Quản lý

tài sản hoặc Công ty Quản lý tài sản khi bán nợ) thực hiện đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú;

b) Bên mua nợ (Công ty Quản lý tài sản khi mua nợ hoặc bên mua nợ từ Công ty Quản lý tài sản là người cư trú) thực hiện đăng ký kế hoạch thu hồi nợ theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối đối với việc thu hồi nợ nước ngoài phát sinh từ nghiệp vụ mua, bán nợ.”

3. Khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản sử dụng trái phiếu đặc biệt mua khoản nợ xấu bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tỷ giá VND với ngoại tệ áp dụng để quy đổi sang VND như sau:

a) Đối với khoản nợ xấu bằng đô la Mỹ (sau đây viết tắt là USD) là tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước công bố áp dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng mua, bán nợ;

b) Đối với khoản nợ xấu bằng ngoại tệ không phải USD là tỷ giá quy đổi chéo ngoại tệ đó sang đồng Việt Nam thông qua USD với tỷ giá quy đổi USD sang VND là tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước công bố và tỷ giá quy đổi ngoại tệ đó sang USD là tỷ giá được niêm yết trên màn hình Reuters hoặc Bloomberg hoặc các phương tiện khác đối với những loại ngoại tệ không được hiển thị trên màn hình Reuters hoặc Bloomberg tại thời điểm ký kết hợp đồng mua, bán nợ.”

4. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Điều kiện và điều khoản của trái phiếu, trái phiếu đặc biệt

1. Mệnh giá trái phiếu, trái phiếu đặc biệt

a) Mệnh giá trái phiếu có giá trị bằng giá mua, bán của khoản nợ xấu. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt có giá trị bằng giá mua, bán của khoản nợ xấu được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP;

b) Đối với khoản nợ xấu được mua, bán là khoản cấp tín dụng hợp vốn, mệnh giá trái phiếu, trái phiếu đặc biệt phát hành cho từng tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng hợp vốn có giá trị tương ứng như sau:

(i) Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó đang được theo dõi tại tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng hợp vốn trong trường hợp Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt;

(ii) Giá mua nợ xấu tính theo tỷ lệ góp vốn của từng tổ chức tín dụng tham gia cấp tín dụng hợp vốn trong trường hợp Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu theo giá trị thị trường bằng trái phiếu.



2. Trái phiếu, trái phiếu đặc biệt được phát hành bằng VND. Trái phiếu được chuyển nhượng giữa Ngân hàng Nhà nước với các tổ chức tín dụng và giữa các tổ chức tín dụng với nhau. Trái phiếu đặc biệt không được chuyển nhượng.

3. Trái phiếu, trái phiếu đặc biệt được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử có định danh hoặc chứng chỉ ghi danh. Công ty Quản lý tài sản quyết định hình thức trái phiếu, trái phiếu đặc biệt.

4. Trái phiếu, trái phiếu đặc biệt có lãi suất 0%.

5. Trái phiếu, trái phiếu đặc biệt có thời hạn như sau:

a) Thời hạn của trái phiếu được xác định theo thỏa thuận giữa Công ty Quản lý tài sản và tổ chức tín dụng bán nợ, tối thiểu là 01 năm. Trường hợp số tiền thu hồi nợ chưa đủ để thanh toán trái phiếu khi trái phiếu đến hạn thanh toán, Công ty Quản lý tài sản quyết định gia hạn thời hạn của trái phiếu, tối đa không quá 03 năm. Trường hợp gia hạn thời hạn của trái phiếu quá 03 năm thì phải có sự đồng ý của tổ chức sở hữu trái phiếu. Công ty Quản lý tài sản không được gia hạn thời hạn của trái phiếu đang được sử dụng để tham gia nghiệp vụ thị trường mở;

b) Thời hạn của trái phiếu đặc biệt tối đa là 05 năm. Trường hợp phát hành trái phiếu đặc biệt để mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án tái cơ cấu hoặc gặp khó khăn về tài chính thì thời hạn của trái phiếu đặc biệt tối đa không quá 10 năm.

6. Trái phiếu, trái phiếu đặc biệt phải lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về lưu ký giấy tờ có giá và được sử dụng trong nghiệp vụ tái cấp vốn với Ngân hàng Nhà nước. Trái phiếu được sử dụng để tham gia nghiệp vụ thị trường mở theo quy định của pháp luật.

7. Trái phiếu, trái phiếu đặc biệt được miễn phí lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước.

8. Tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu không phải trích lập dự phòng rủi ro cho trái phiếu.”

5. Khoản 1 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua bằng trái phiếu đặc biệt khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Là khoản nợ xấu theo quy định tại khoản 7a Điều 3 Thông tư này;

b) Khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm;

c) Khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu phải hợp pháp và có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ, trong đó phải đảm bảo tối thiểu các yêu cầu sau:

(i) Hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, hợp đồng ủy thác cấp tín dụng, hợp đồng mua bán nợ, hợp đồng mua, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp, hợp đồng bảo đảm phải thể hiện rõ các quyền chủ nợ của tổ chức tín dụng, trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ đối với tổ chức tín dụng;

(ii) Khoản nợ xấu chưa dùng để bảo đảm nghĩa vụ của tổ chức tín dụng;

(iii) Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật tại thời điểm mua, bán nợ.

Công ty Quản lý tài sản căn cứ quy định của pháp luật liên quan để xác định khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu hợp pháp và có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ.

d) Khách hàng vay còn tồn tại;

đ) Giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu hoặc các khoản nợ xấu của một khách hàng vay hoặc các khoản nợ xấu của một nhóm khách hàng vay theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này vào thời điểm bán nợ không thấp hơn 3 tỷ đồng đối với nhóm khách hàng vay và khách hàng vay là tổ chức; không thấp hơn 1 tỷ đồng đối với khách hàng vay là cá nhân hoặc mức khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.”

6. Điểm d khoản 1 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Bản sao hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, hợp đồng ủy thác cấp tín dụng, hợp đồng mua bán nợ, hợp đồng mua, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp, hợp đồng bảo đảm do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng bán nợ xác nhận;”

7. Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 27. Nguyên tắc cơ cấu lại khoản nợ xấu đã mua

1. Việc cơ cấu lại khoản nợ xấu phải đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP, Thông tư này và thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, hợp đồng ủy thác cấp tín dụng, hợp đồng mua, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp, hợp đồng mua bán nợ.

2. Công ty Quản lý tài sản xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về việc cơ cấu lại khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của khách hàng vay.

3. Công ty Quản lý tài sản thực hiện việc cơ cấu lại khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của khách hàng vay và theo quy định tại Thông tư này.

4. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân lợi dụng việc cơ cấu lại khoản nợ xấu để hưởng lợi bất hợp pháp.”

8. Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 30. Biện pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt

1. Công ty Quản lý tài sản xem xét, cơ cấu lại thời hạn trả nợ dưới các

hình thức điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ đối với khoản nợ xấu khi khách hàng vay đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Khách hàng vay có phương án trả nợ khả thi;

b) Đối với trường hợp điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi vay: khách hàng vay không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi vay trong phạm vi thời hạn trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, hợp đồng ủy thác cấp tín dụng, hợp đồng mua, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp và được Công ty Quản lý tài sản đánh giá là có khả năng trả nợ trong các kỳ hạn tiếp theo sau khi được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ;

c) Đối với trường hợp gia hạn nợ: khách hàng vay không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi vay đúng thời hạn trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, hợp đồng ủy thác cấp tín dụng, hợp đồng mua, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp và được Công ty Quản lý tài sản đánh giá là có khả năng trả hết nợ trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn trả nợ đã thỏa thuận;

d) Thời gian gia hạn nợ đối với khoản nợ xấu không được vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt tương ứng với khoản nợ xấu đó. Trường hợp gia hạn nợ đối với khoản nợ xấu vượt quá thời hạn còn lại của trái phiếu đặc biệt tương ứng với khoản nợ xấu đó, Công ty Quản lý tài sản phải có sự thống nhất bằng văn bản của tổ chức tín dụng bán nợ trước khi quyết định.

2. Khi xem xét, cơ cấu lại thời hạn trả nợ của khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản trao đổi với tổ chức tín dụng bán nợ trước khi quyết định.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý tài sản có văn bản đề nghị có ý kiến, tổ chức tín dụng bán nợ phải trả lời bằng văn bản về những vấn đề Công ty Quản lý tài sản đề nghị có ý kiến. Sau thời hạn trên, Công ty Quản lý tài sản quyết định và chịu trách nhiệm về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Công ty Quản lý tài sản thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng bán nợ, khách hàng vay để biết và phối hợp thực hiện.”

9. Khoản 3 Điều 33 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Khách hàng vay đang trong quá trình giải thể, phá sản, thu hồi giấy phép hoạt động không được Công ty Quản lý tài sản xem xét, cơ cấu lại khoản nợ xấu, hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay.”

10. Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 36. Góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp

1. Công ty Quản lý tài sản được góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp dưới các hình thức sau:

a) Chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành vốn điều

lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay;

b) Sử dụng tài sản (trừ khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt), nguồn vốn hợp pháp để góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay (bao gồm cả hình thức chuyển khoản nợ xấu đã mua theo giá trị thị trường thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay).

2. Việc chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay chỉ được thực hiện trong trường hợp:

a) Khách hàng vay là doanh nghiệp trong nước hoạt động ngoài lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

b) Công ty Quản lý tài sản có sự thống nhất của tổ chức tín dụng bán nợ bằng văn bản về việc chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay trước khi thực hiện.

c) Tổ chức tín dụng bán khoản nợ xấu đó là ngân hàng thương mại đáp ứng các yêu cầu sau đây:

(i) Được góp vốn, mua cổ phần theo Giấy phép thành lập và hoạt động;

(ii) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 Luật các tổ chức tín dụng, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 129 Luật các tổ chức tín dụng, có giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định (khi tính toán các tỷ lệ, giá trị thực của vốn điều lệ nêu trên, phải bao gồm cả giá trị khoản vốn góp, vốn cổ phần được chuyển từ khoản nợ xấu mua bằng trái phiếu đặc biệt) tại thời điểm có văn bản theo quy định tại điểm b khoản này;

(iii) Đạt kết quả hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của năm liền kề trước năm có văn bản theo quy định tại điểm b khoản này;

(iv) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, góp vốn, mua cổ phần trong 12 tháng liền kề trước tháng có văn bản theo quy định tại điểm b khoản này;

(v) Có cơ cấu tổ chức, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay, Công ty Quản lý tài sản bán lại khoản góp vốn điều lệ, vốn cổ phần cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá trị khoản góp vốn điều lệ, vốn cổ phần và thanh toán trái phiếu đặc biệt.

4. Số tiền thu hồi nợ phát sinh trong khoảng thời gian tính từ khi Công ty Quản lý tài sản mua khoản nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt đến khi chuyển khoản

nợ xấu đó thành vốn điều lệ, vốn cổ phần được xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Thông tư này.

5. Trường hợp góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý tài sản phải đáp ứng được các yêu cầu sau đây:

a) Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay có tính khả thi và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, trong đó Phương án phải phân tích, đánh giá hiệu quả góp vốn điều lệ, vốn cổ phần, tình hình tài chính và hoạt động của khách hàng vay, nguồn vốn để góp vốn, khả năng thu hồi vốn góp và đề xuất các biện pháp thu hồi vốn góp và tham gia cơ cấu lại khách hàng vay;

b) Công ty Quản lý tài sản có quyền tham gia cơ cấu lại khách hàng vay sau khi góp vốn điều lệ, vốn cổ phần;

c) Việc góp vốn điều lệ, vốn cổ phần không vi phạm giới hạn góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Thông tư này;

d) Khách hàng vay có triển vọng phục hồi về tài chính và hoạt động sau khi được Công ty Quản lý tài sản tham gia góp vốn điều lệ, vốn cổ phần;

đ) Khách hàng vay không nằm trong quá trình phá sản, giải thể hoặc thu hồi giấy phép hoạt động.”

11. Khoản 4 Điều 42 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Tiền phạt vi phạm (nếu có).”

12. Bổ sung Điều 43a vào sau Điều 43 như sau:

“Điều 43a. Xử lý số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường bằng trái phiếu

1. Trường hợp tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu không vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu phát hành để mua khoản nợ xấu đó hoặc trái phiếu đang được sử dụng trong hợp đồng mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng mà chưa đến ngày mua lại, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản phải gửi số tiền tương ứng với số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu (tối đa bằng mệnh giá trái phiếu) tại tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu dưới hình thức tiền gửi không hưởng lãi và không được rút trước thời điểm thanh toán trái phiếu trừ quy định tại các khoản 2, 3 Điều này.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu phát hành để mua khoản nợ xấu đó (bao gồm cả trường hợp khoản vay tái cấp vốn đến hạn nhưng tổ chức tín dụng chưa trả hết nợ vay tái cấp vốn), Công ty Quản lý tài sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước về việc trái phiếu đang được sử dụng để vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền tương ứng với số

tiền, tài sản lũy kế đã thu hồi được của khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường bằng trái phiếu (tối đa bằng mệnh giá trái phiếu) để trả nợ vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đó;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền tương ứng với số tiền, tài sản thu hồi được của khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường bằng trái phiếu (tối đa bằng mệnh giá trái phiếu) để trả nợ vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đó;

c) Ngân hàng Nhà nước chỉ ngừng phong tỏa trái phiếu đang cầm cố vay tái cấp vốn sau khi khoản tái cấp vốn tương ứng với trái phiếu đó đã được hoàn trả đầy đủ;

d) Công ty Quản lý tài sản khấu trừ số tiền quy định tại các điểm a, b khoản này vào tổng số tiền Công ty Quản lý tài sản phải trả cho tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu khi thanh toán trái phiếu.

3. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước sở hữu trái phiếu (trừ trường hợp trái phiếu đang được sử dụng trong hợp đồng mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng mà chưa đến ngày mua lại), Công ty Quản lý tài sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước về việc Ngân hàng Nhà nước đã mua đứt trái phiếu hoặc tổ chức tín dụng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền mua lại trái phiếu trong hợp đồng mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng, Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền tương ứng với số tiền, tài sản lũy kế đã thu hồi được của khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường bằng trái phiếu (tối đa bằng mệnh giá trái phiếu) để thanh toán phần còn thiếu đối với nghĩa vụ thanh toán của tổ chức tín dụng trong hợp đồng mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng hoặc thanh toán nghĩa vụ nợ trong hợp đồng phát hành trái phiếu với Ngân hàng Nhà nước;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản sử dụng số tiền tương ứng với số tiền, tài sản lũy kế đã thu hồi được của khoản nợ xấu được mua theo giá trị thị trường bằng trái phiếu (tối đa bằng mệnh giá trái phiếu) để thanh toán phần còn thiếu đối với nghĩa vụ thanh toán của tổ chức tín dụng trong hợp đồng mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng hoặc thanh toán nghĩa vụ nợ trong hợp đồng phát hành trái phiếu với Ngân hàng Nhà nước;

c) Công ty Quản lý tài sản khấu trừ số tiền quy định tại các điểm a, b khoản này vào tổng số tiền Công ty Quản lý tài sản phải trả cho tổ chức sở hữu trái phiếu khi thanh toán trái phiếu.

4. Khi số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu không thấp hơn mệnh giá trái phiếu, Công ty Quản lý tài sản và tổ chức sở hữu trái phiếu thực hiện thanh toán trái phiếu theo quy định tại Điều 44a Thông tư này.”

13. Khoản 2 Điều 44 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng bán nợ phải hoàn trả đầy đủ số tiền vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt tương ứng (nếu có), được Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) ngừng phong tỏa trái phiếu đặc biệt theo quy định và phối hợp với Công ty Quản lý tài sản thực hiện thanh toán trái phiếu đặc biệt như sau:

a) Trường hợp chưa thu hồi được đầy đủ khoản nợ xấu (bao gồm gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ) theo hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, hợp đồng ủy thác cấp tín dụng, hợp đồng mua bán nợ, hợp đồng mua, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp, tổ chức tín dụng bán nợ sử dụng trái phiếu đặc biệt tương ứng mua lại khoản nợ xấu từ Công ty Quản lý tài sản theo giá trị ghi sổ số dư nợ gốc đang theo dõi trên sổ sách của Công ty Quản lý tài sản và khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay theo giá trị ghi sổ đang hạch toán nội bảng cân đối kế toán của Công ty Quản lý tài sản đối với trường hợp chuyển một phần khoản nợ xấu thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay (nếu có); được Công ty Quản lý tài sản thanh toán số tiền được hưởng trên số tiền thu hồi nợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 Thông tư này (nếu có);

b) Trường hợp đã thu hồi được đầy đủ khoản nợ xấu (bao gồm gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ) theo hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận cho vay, hợp đồng ủy thác cấp tín dụng, hợp đồng mua bán nợ, hợp đồng mua, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trường hợp toàn bộ khoản nợ xấu đã được bán cho tổ chức, cá nhân) thì tổ chức tín dụng bán nợ sử dụng trái phiếu đặc biệt tương ứng mua lại khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay theo giá trị ghi sổ đang hạch toán nội bảng cân đối kế toán của Công ty Quản lý tài sản đối với trường hợp chuyển một phần khoản nợ xấu thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay (nếu có); được Công ty Quản lý tài sản thanh toán số tiền thu hồi nợ được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 Thông tư này;

c) Trường hợp toàn bộ khoản nợ xấu được chuyển thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp thì tổ chức tín dụng bán nợ sử dụng trái phiếu đặc biệt tương ứng mua lại khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay theo giá trị ghi sổ đang hạch toán nội bảng cân đối kế toán của Công ty Quản lý tài sản, đồng thời thanh toán cho Công ty Quản lý tài sản số tiền thu hồi nợ được hưởng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Thông tư này.”

14. Bổ sung Điều 44a vào sau Điều 44 như sau:

“Điều 44a. Thanh toán trái phiếu

1. Trái phiếu (trừ trái phiếu đang được sử dụng trong hợp đồng mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng mà chưa đến ngày mua lại) phải thanh toán trong các trường hợp sau đây:

a) Số tiền, tài sản thu hồi từ khoản nợ xấu không thấp hơn mệnh giá trái phiếu;

b) Công ty Quản lý tài sản bán khoản nợ xấu, chuyển một phần hoặc toàn bộ khoản nợ xấu thành vốn góp, vốn cổ phần;

c) Công ty Quản lý tài sản đã thanh toán toàn bộ mệnh giá trái phiếu;

d) Trái phiếu đến hạn thanh toán.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu phải thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản lý tài sản thực hiện như sau:

a) Trường hợp tổ chức sở hữu trái phiếu là tổ chức tín dụng và không vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đó, Công ty Quản lý tài sản thanh toán số tiền bằng mệnh giá trái phiếu đó cho tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu và tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu trả trái phiếu cho Công ty Quản lý tài sản;

b) Trường hợp tổ chức sở hữu trái phiếu là tổ chức tín dụng và đang vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu, Công ty Quản lý tài sản thay mặt tổ chức tín dụng trả nợ vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đó (tối đa bằng mệnh giá trái phiếu) cho Ngân hàng Nhà nước; số tiền thanh toán trái phiếu còn lại (nếu có), Công ty Quản lý tài sản thanh toán cho tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu; Công ty Quản lý tài sản nhận lại trái phiếu từ tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu;

c) Trường hợp tổ chức sở hữu trái phiếu là Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản thanh toán toàn bộ mệnh giá trái phiếu đó cho Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước trả trái phiếu cho Công ty Quản lý tài sản.

3. Trường hợp trái phiếu đang được sử dụng trong hợp đồng mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng mà chưa đến ngày mua lại và rơi vào một trong các trường hợp nêu tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này, khi đến hạn mua lại Công ty Quản lý tài sản thực hiện như sau:

a) Trường hợp tổ chức tín dụng thanh toán đầy đủ số tiền mua lại giấy tờ có giá trong hợp đồng mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng có sử dụng trái phiếu, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày đến hạn mua lại, Công ty Quản lý tài sản thanh toán số tiền bằng mệnh giá trái phiếu cho tổ chức tín dụng và tổ chức tín dụng trả trái phiếu cho Công ty Quản lý tài sản;

b) Trường hợp tổ chức tín dụng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền mua lại giấy tờ có giá trong hợp đồng mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng có sử dụng trái phiếu, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày đến hạn mua lại, Công ty Quản lý tài sản thanh toán cho Ngân hàng Nhà nước số tiền còn thiếu của tổ chức tín dụng trong hợp đồng mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng; số tiền thanh toán trái phiếu còn lại (nếu có), Công ty Quản lý tài sản thanh toán cho tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu; Công ty Quản lý tài sản nhận lại trái phiếu từ tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu.”

15. Khoản 2 Điều 48 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Sở Giao dịch:

a) Thực hiện phát hành, thanh toán, hủy trái phiếu, trái phiếu đặc biệt theo đề nghị của Công ty Quản lý tài sản; thực hiện gia hạn thời hạn trái phiếu đặc biệt theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;

b) Hướng dẫn quy trình thực hiện phát hành, thanh toán, hủy, lưu ký trái phiếu, trái phiếu đặc biệt và gia hạn thời hạn trái phiếu đặc biệt trên hệ thống giao dịch điện tử của Ngân hàng Nhà nước;

c) Thực hiện phong tỏa trái phiếu, trái phiếu đặc biệt có liên quan đến khoản cho vay tái cấp vốn khi tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu, trái phiếu đặc biệt vay tái cấp vốn; ngừng phong tỏa trái phiếu, trái phiếu đặc biệt trong trường hợp khoản vay tái cấp vốn tương ứng với trái phiếu, trái phiếu đặc biệt đó của tổ chức tín dụng được hoàn trả đầy đủ;

d) Xác nhận trái phiếu đặc biệt tương ứng với khoản nợ xấu không bị phong tỏa tại Ngân hàng Nhà nước theo đề nghị của Công ty Quản lý tài sản khi Công ty Quản lý tài sản chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt thành khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường;

đ) Chủ trì, phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ thực hiện theo dõi việc tổ chức tín dụng sử dụng trái phiếu để tham gia nghiệp vụ thị trường mở, sử dụng trái phiếu, trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước;

e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh trường hợp trái phiếu được sử dụng để vay tái cấp vốn, tham gia nghiệp vụ thị trường mở với Ngân hàng Nhà nước; hoặc trường hợp khoản vay tái cấp vốn bằng cầm cố trái phiếu đến hạn nhưng tổ chức tín dụng chưa trả hết nợ đúng hạn; hoặc trường hợp tổ chức tín dụng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền mua lại giấy tờ có giá trong hợp đồng mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng có sử dụng trái phiếu, Sở Giao dịch có thông báo bằng văn bản gửi Công ty Quản lý tài sản để Công ty Quản lý tài sản biết, thực hiện các trách nhiệm quy định tại Thông tư này;

g) Phối hợp với Công ty Quản lý tài sản trong việc xử lý số tiền thu hồi nợ, thanh toán trái phiếu trong trường hợp trái phiếu được sử dụng để vay tái cấp vốn, tham gia nghiệp vụ thị trường mở với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại các Điều 43a và 44a Thông tư này.”

16. Khoản 5 Điều 48 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Cục Công nghệ thông tin hỗ trợ các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Công ty Quản lý tài sản phối hợp, trao đổi, cung cấp, khai thác thông tin, thống kê số liệu về mua, bán và xử lý nợ xấu.”

17. Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6 Điều 48 như sau:

“6a. Vụ Chính sách tiền tệ phối hợp với Sở Giao dịch thực hiện theo dõi việc tổ chức tín dụng sử dụng trái phiếu để tham gia nghiệp vụ thị trường mở, sử dụng trái phiếu, trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước.”

18. Bổ sung các khoản 9, 10 vào Điều 49 như sau:

“9. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 của tháng báo cáo, cung cấp thông tin về các khoản nợ xấu đã mua và tình hình biến động các khoản nợ xấu đó cho Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam bằng văn bản điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam.

10. Phối hợp với Sở Giao dịch trong việc xử lý số tiền thu hồi nợ, thanh toán trái phiếu trong trường hợp trái phiếu được sử dụng để vay tái cấp vốn, tham gia nghiệp vụ thị trường mở với Ngân hàng Nhà nước.”

19. Bổ sung các điểm đ, e khoản 4 Điều 50 như sau:

“đ) Tổ chức tín dụng bán nợ nhận trái phiếu đặc biệt không chia cổ tức bằng tiền mặt cho đến khi trái phiếu đặc biệt được thanh toán, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

e) Tổ chức tín dụng bán nợ nhận trái phiếu đặc biệt có thời hạn trên 5 năm hoặc tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc gia hạn thời hạn trái phiếu đặc biệt không được chia cổ tức để tạo nguồn xử lý nợ xấu cho đến khi trái phiếu đặc biệt có thời hạn trên 5 năm hoặc trái phiếu đặc biệt đã gia hạn được thanh toán.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty Quản lý tài sản chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2020.

2. Thông tư này bãi bỏ:


a) Các khoản 6, 9, 26, 27 và 38 Điều 1 Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN;

b) Các khoản 4, 7, 13, 17 và 18 Điều 1 Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN./. *đm*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH6. *me*

W. **THỐNG ĐỐC**
PHÓ THÔNG ĐỐC



Nguyễn Thị Hồng